**KẾ HOẠCH BÀI DẠY CHUYÊN ĐỀ LỚP 5**

**Luyện từ và câu**

**TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Rèn kĩ năng xác định từ đồng nghĩa.

**2. Năng lực**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm,...

**II. Chuẩn bị:**

**1. Kiến thức:** Từ đồng nghĩa Tiếng Việt

**2. Đồ dùng dạy học:**

Giáo viên :Giáo án điện tử: Phần mềm Power point. Phiếu BT.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3-5phút):**  **1.1. Khởi động:** Cho HS hát và vận động theo nhạc “Em vẫn nhớ trường xưa”  - KTBC: Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong bài thơ dưới đây:  **Cò biết ở sạch**   |  |  | | --- | --- | | Cò mải mê nhặt ốc  Chui giữa lách với lau  Đôi cánh cò trắng phau  Bị lấm đầy bùn đất! | Nhưng còn biết ở sạch  Vội vã bước ra sông  Cò tắm gội sạch bong  Lại tung bay trắng toát  *(Võ Quảng)* |   - GV nhận xét, đánh giá | - HS hát và vận động theo nhạc  - HS đọc yêu cầu  - HS ghi đáp án ra bảng con |
| **1.2 Kết nối:** GV dẫn dắt vào bài mới | - HS ghi tên bài vào vở |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa**  **Bài 1:** Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi  a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau?  b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS làm bài ra nháp, trao đổi cặp đôi  - GV soi bài và chữa bài  - Vì sao ban mai, sáng sớm có nghĩa giống nhau?  - Có thể thay đổi vị trí từ ban mai, sáng sớm trong đoạn văn được không?  - Vì sao khuân, tha, vác, nhấc có nghĩa gần giống nhau?  - Nêu nghĩa các từ khuân, tha, vác, nhấc.  - Có thể thay đổi vị trí các từ khuân, tha, vác, nhấc trong đoạn văn được không?  - Khi sử dụng các từ có nghĩa gần giống nhau em cần lưu ý gì?  - GV chốt lại KT.  **Bài 2**  *Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau*  a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó  b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia  c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS làm nhóm.  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án  - Qua 2 BT em hiểu thế nào là từ đồng nghĩa?  - Khi sử dụng từ đồng nghĩa em cần lưu ý gì?  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình.   * Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…) * Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.   - GV yêu cầu HS lấy Ví dụ?  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS  **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa**  **Bài 3**  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT.  + GVcho HS làm vở.  + GV soi bài và chữa bài trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án, sử dụng từ đồng nghĩa trong các câu thành ngữ.  **Bài 4**  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4 + GV cho HS làm bài vào Phiếu BT.  + GV gọi HS chia sẻ bài làm, HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá và chốt cách sử dụng từ đồng nghĩa. | - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài ra nháp, trao đổi cặp đôi  + Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.  + Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.  Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.  - 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời mới mọc.  - HS nêu  - Vì ngoài ý nghĩa giống nhau của 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật làm cho vật đó thay đổi vị trí thì chúng còn có nghĩa riêng đó là cách thức tác động làm cho vật đó thay đổi vị trí.   * Khuân: khiêng vác đồ vật nặng; * Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ; * Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai; * Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.   - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc yêu cầu  - HS làm nhóm  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc phần ghi nhớ.  - HS nêu  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài vào vở  c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn - cấm.  g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay - đổi, hình - dạng.  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài vào Phiếu BT  - HS chia sẻ trước lớp  Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn **bắt đầu** mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no đủ**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. |
| **3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2-4’):**  **-** Nêu những điều em đã nắm được trong tiết học?  - Hãy nhận xét em và các bạn tham gia tiết học?  - Đánh giá, nhận xét tiết học, dặn dò tiết học sau. | - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe |

*Tiên Thắng, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

**Người soạn**

**Ngô Thị Thoan**